

Bản án số: **26/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 05 – 4 - 2019

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Minh.
2. Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 550/2018/ TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Lê Trung H, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 23/10/2018, bản tự khai ngày 14/01/2019, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Trung H cưới nhau vào năm 1990 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung có hạnh phúc đến tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do

anh H không lao động, thường xuyên uống rượu về đánh đập vợ con gây bạo lực dẫn đến mất hạnh phúc gia đình.

Vì vậy, vợ chồng chị ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh H, không thể hàn gắn với nhau, nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Lê thị Ngọc N, sinh ngày 20/11/1990, hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với anh Lê Trung H là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng :

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Riêng đối với bị đơn là anh Lê Trung H vắng mặt tại phiên Tòa, là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Trung H.

- Về nuôi con chung: Có 01 chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân:

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N khai sống chung như vợ chồng với anh H từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Tuy nhiên, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu giao nộp chứng cứ để yêu cầu chị N và anh H giao nộp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nhưng cả 02 đều không giao nộp được, theo chị N trình bày do cơn bão số 9 vào năm 2006 đã làm thất lạc giấy tờ của chị trong đó có giấy đăng ký kết hôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tiến hành xác minh việc đăng ký kết hôn của chị N và anh H tại Ủy ban nhân dân xã L thì được Ủy ban cung cấp thông tin xác định giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Trung H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, nhưng chị không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn, mà căn cứ theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là biên bản xác minh tại Ủy ban xã L thể hiện chị N và anh H không có đăng ký kết hôn, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định chị N và anh H có đăng ký kết hôn.

Từ những cơ sở nêu trên, xác định chị N và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, và cả 02 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã L nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. **Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 của** Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa chị N và anh H là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Trung H là vợ chồng.

- Về nuôi con chung:

[3]. Quá trình sống chung chị N và anh H có 01 con chung là Lê thị Ngọc N, sinh ngày 20/11/1990. Xét thấy, tại thời điểm giải quyết ly hôn giữa chị N và anh H thì cháu N đã thành niên và có khả năng lao động, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về tài sản chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về nợ chung*: Chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; **khoản 1** Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Trung H.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lê thị Ngọc N, sinh ngày 20/11/1990, hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thanh N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu tiền số 0021034 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Nguyễn Thị Thanh N đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Lê Trung H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....-

Trần Thị Mỹ Duyên